

**CÔNG TY TNHH
KÍNH DIÊN HỒNG - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/CV-KDH
V/v: kê khai giá phụ thu dịp Lễ tết
Nguyên Đán Bính Ngọ 2026

Gia Lai, ngày 06 tháng 01 năm 2026.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH GIA LAI

Kính gửi: - **SỞ XÂY DỰNG TỈNH GIA LAI**

ĐẾN Số: 1826
Ngày: 14/01/2026

Căn cứ kế hoạch số 2228/KH-BXMĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công Ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn TNHH Một Thành Viên – Công Ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông về việc phục vụ hành khách dịp Tết dương lịch 2026 và tết Nguyên đán Bính Ngọ tại Bến xe Miền Đông.

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty TNHH KÍNH DIÊN HỒNG, GIA LAI gửi Bảng kê khai giá phụ thu dịp lễ Tết Nguyên Đán chiều từ Gia Lai (Bến xe Đức Long; Bến xe Đăk đoa) - TP Hồ Chí Minh và ngược lại

Mức giá phụ thu này thực hiện từ :

1 Hồ Chí Minh – Gia Lai

Phụ thu tối đa 40% từ 16/12 – 18/12/2025 âm lịch (Tức từ 03/02/2026 – 05/02/2026 dương lịch)

.Phụ thu tối đa 60% từ 19/12/2025 đến ngày 03/01/2026 âm lịch (Dương lịch từ ngày 06/02/2026 đến hết ngày 19/02/2026)

2. Gia Lai đi Hồ Chí Minh

Phụ thu 60% từ ngày Mùng 4 đến hết ngày 13 Tháng Giêng Âm lịch (Tức từ ngày 20/02/2026 – 01/03/2026 Dương lịch)

Công ty TNHH KÍNH DIÊN HỒNG xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức phụ thu mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP
- Họ tên người nộp văn bản: Ngô Thị Phương Dung
- Số điện thoại liên lạc: 0966900813
- Email: kinhdienhong@gmail.com

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kinh

Gia Lai, ngày 06 tháng 01 năm 2026.

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 01/CV-KDH ngày 06/1/2026 của Công ty TNHH KÍNH DIỄN HỒNG- GIA LAI)

- Tên đơn vị thực hiện kê khai giá: **CÔNG TY TNHH KÍNH DIỄN HỒNG .GIA LAI**
- Trụ sở : Hẻm 47 đường Trường chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Giấy chứng nhận kinh doanh số **5901202794** do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 11 tháng 9 năm 2023.
- Nội dung kê khai theo từng loại hình vận tải, loại hình dịch vụ:

STT	Tên dịch vụ cung ứng	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai phụ thu	Ghi chú
1	Vận tải hành khách từ Gia Lai (Bến xe Đức Long, Bến xe Đăk đoá) đi Hồ chí Minh	Giường nằm LIMOUSIN(22 giường)	Đồng/HK	500.000	700.000 (Phụ thu 40%)	
2	Vận tải hành khách từ Gia Lai (Bến xe Đức Long, Bến xe Đăk đoá) đi Hồ chí Minh	Giường nằm LIMOUSIN(22 giường)	Đồng/HK	500.000	800.000 (Phụ thu 60%)	
3	Vận tải hành khách từ Gia Lai (Bến xe Đức Long, Bến xe Đăk đoá) đi Hồ chí Minh	Giường nằm LIMOUSIN(34 giường)	Đồng/HK	350.000	490.000 (Phụ thu 40%)	
4	Vận tải hành khách từ Gia Lai (Bến xe Đức Long, Bến xe Đăk đoá) đi Hồ chí Minh	Giường nằm LIMOUSIN(34 giường)	Đồng/HK	350.000	560.000 (Phụ thu 40%)	
5	Vận tải hành khách từ Gia Lai (Bến xe Đức Long, Bến xe Đăk đoá) đi Hồ chí Minh	Giường nằm LIMOUSIN(44 giường)	Đồng/HK	300.000	420.000 (Phụ thu 40%)	
6	Vận tải hành khách từ Gia Lai (Bến xe Đức Long, Bến xe Đăk đoá) đi Hồ chí Minh	Giường nằm LIMOUSIN(44 giường)	Đồng/HK	300.000	480.000 (Phụ thu 60%)	

- Thời gian áp dụng:
Hồ Chí Minh – Gia Lai

MẪU THÔNG TIN NIÊM YẾT GIÁ CƯỚC BẮT BUỘC

1. Mẫu Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách theo tuyến cố định:

1.1. Bảng niêm yết tại nơi bán vé:

1.1.1. Bảng niêm yết tại nơi bán vé:

BẢNG GIÁ CƯỚC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH		
Bến xe khởi hành: Bến xe Miền đông; An sương		
Địa danh đi (Tỉnh, thành phố)	Bến đến	Giá cước (đồng/HK)
Bến xe Miền đông, Bến xe An sương	Đức long, Đắk đoà (Xe 44 phòng)	420.000 (Từ ngày 03/2 đến ngày 05/2/2026) 480.000 đ (Từ ngày 06/2 đến ngày 19/2/2026)
Bến xe Miền đông, Bến xe An sương	Đức long, Đắk đoà (Xe 34 phòng)	490.000 (Từ ngày 03/2 đến ngày 05/2/2026) 560.000 đ (Từ ngày 06/2 đến ngày 19/2/2026)
Bến xe Miền đông, Bến xe An sương	Đức long, Đắk đoà (Xe 24 phòng)	700.000 (Từ ngày 03/2 đến ngày 05/2/2026) 800.000 đ (Từ ngày 06/2 đến ngày 19/2/2026)
Địa danh đi (Tỉnh, thành phố)	Bến đến	Giá cước (đồng/HK)
Đức long, Đắk đoà (Xe 44 phòng)	Bến xe Miền đông, Bến xe An sương	480.000 đ (Từ ngày 20/2 đến ngày 01/3/2026)
Đức long, Đắk đoà (Xe 44 phòng)	Bến xe Miền đông, Bến xe An sương	560.000 đ (Từ ngày 20/2 đến ngày 01/3/2026)
Đức long, Đắk đoà (Xe 44 phòng)	Bến xe Miền đông, Bến xe An sương	800.000 đ (Từ ngày 20/2 đến ngày 1/3/2026)
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và Bảo hiểm hành khách		

Gia lai ngày 06 tháng 1 năm 2026

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên dịch vụ: **GIÁ CƯỚC VẬN TẢI KÊ KHAI TUYỂN XE KHÁCH TỪ GIA LAI ĐI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ NGƯỢC LẠI**

Đơn vị cung ứng: **CÔNG TY TNHH KÍNH DIÊN HỒNG GIA LAI**

Mỗi tháng mỗi xe thực hiện 15 chuyến với số lượng là 44 khách trên một xe/ một chuyến
: Cụ ly vận chuyển: : BX Đức long - Đường Hồ Chí Minh (QL 14) – Đường tỉnh 741 – Đại lộ Bình
duơng - QL13 – Đường Đinh Bộ Lĩnh – BX Miền đông và ngược lại.

Tính chi phí cho một chuyến bằng 02 lượt đi và về

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ

STT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng tính giá (Q)			
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh			
I	Chi phí trực tiếp:			
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp	Đồng	8.401.536	
2	Chi phí nhân công trực tiếp	Đồng	2.720.000	
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)	Đồng	2.044.439	
4	Chi phí thuê bãi đậu xe, mặt bằng bán vé	Đồng	500.000	
II	Chi phí chung			
5	Chi phí sản xuất chung	Đồng	4.329.423	
6	Chi phí tài chính (Lãi vay ngân hàng)	Đồng	1.309.000	
7	Chi phí bán hàng			
8	Chi phí quản lý		2.900.000	

Dự kiến : Săm lốp

01 chiếc lốp đi được quãng đường = 50.000 km

01 chiếc lốp giá trị : 9.350.000 đồng

06 chiếc x 9.350.000 đồng/ chiếc : 50.000 km x 610 km x 2 lượt = 1.368.840 đồng/ chuyến

Bình điện

01 bộ = 2 cái x 4.150.000 đồng/ cái = 8.300.000 đồng

01 bình điện sử dụng trong thời gian 01 năm

8.300.000 đồng : (12 tháng x 15 chuyến/ tháng x 2 lượt) = 34.583 đồng/ chuyến

d/ Phí bảo trì đường bộ: 390.000 đồng/ tháng : 30 ngày x 2 lượt = 26.000 đồng

đ/ Tổng số trạm thu phí trên QL 14 từ Gia Lai đến BX Miền Đông là 19 trạm thu phí : 1.100.000 đồng (đi và về).

e/ Hoa Hồng bán vé 2%: 400.000 đ/ chuyến

f- Lệ phí bến bãi hai đầu bến: 550.000 đồng

6/ Trả lãi vay: Ngân hàng cho vay : 70% trên giá trị tài sản.

3.200.000.000 đồng x 70% x 0,85%/tháng : 15 chuyến = **1.309.000 đồng**

7/ Chi phí khác : 2.900.000 đồng /chuyến

- Tiền chi phí xe trung chuyển hai đầu bến: 700.000 đ/chuyến

- Tiền nước uống, khăn lạnh vv: 500.000 đ/chuyến

- Tiền điện thoại + lương văn phòng + văn phòng phẩm+ chi phí rửa xe + thuê VPCT) : 1700.000 đồng

Tổng các khoản chi phí: chuyến 22.204.398 đồng.

Dự kiến lợi nhuận = 8% chi phí = 1.776.352 đồng/ chuyến

Tổng chi phí sau lợi nhuận : 23.980.750 đ/chuyến

***Thuế GTGT 8%: 1,918.460 đồng/chuyến**

Giá vé có VAT : 25.899.210: 85 giường = 609.393đ / lượt đi và về (Làm tròn 600,000 đồng)

Do lượng khách ngày lễ tết xe chủ yếu vận chuyển khách một chiều nên Công ty xin tăng giá vé phụ thu chiều rỗng lên từ 40 %, 60% để phục vụ giải tỏa hành khách cụ thể-

Chiều từ Gia Lai đi TP HCM: Giá vé từ ngày 03/2/2026 đến ngày 05/2/2026 tăng (40%: 300.000 x 40%)+ 300.000 = 420.000 đồng

. Tăng 60% từ ngày 06/2/2026 đến ngày 19/2/2026 (300.000 x60%) + 300.000 = 480.000 đồng

Chiều từ Gia lai đi Thành phố Hồ Chí Minh tăng 60% từ ngày 20/2/2026 đến hết ngày 01/3/2026 : (300.000 x60%) +300.000 = 480.000 đồng

V	Tổng chi phí		23.980.750	
	Thuế GTGT 8%		1,918.460	
VI	Tổng giá trị chi phí		25.899.210	
VII	Giá thành trên một vé cả chiều đi và về		609.393	

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN CHI PHÍ (từ mục 1 đến mục 8 bảng tổng hợp tính giá)

BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ DỊCH VỤ (Xe 44 giường nằm)

Chi phí (02 lượt) từ BX Đức long -> BX An sương Tp HCM và ngược lại

1/ Chi phí năng lượng: Ô tô sử dụng nhiên liệu: Dầu Diezen; 8.401.536 đ

Định mức 39 lít dầu/100km. Giá dầu tại ngày 10/12/2024

- Cự ly vận chuyển : 550 km
- $610\text{km} * 2 \text{ lượt} * 39 \text{ lít} : 100\text{km} = 429 \text{ lít/chuyến}$
- Thành tiền: $429 \text{ lít} * 19.120 \text{ đ/lít} = 8.236.800 \text{ đ/chuyến}$
- Dầu mỡ phụ: $2\%/ \text{nhiên liệu chính đ/chuyến } 8.236.800 * 2\% = 164.736 \text{ đ/chuyến}$

2// Chi phí nhân công trực tiếp tiền lương: 2.720.000 đồng

- Lương lái xe: $02 \text{ người} * 700.000\text{đ/người} = 1.400.000\text{đ/người/chuyến}$
- Lương NVPV: $01 \text{ người} * 600.000\text{đ/người} = 600.000\text{đ/người/chuyến}$
- Tiền ăn 3 người * 2 lượt * 60.000đ * 02 bữa/chuyến = 720.000đ/chuyến

3/ KHCB, SCL, Sửa chữa thường xuyên: 2.044.439 đồng

a) Khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định thực tế : 3.200.000.000 đồng. dự kiến khấu hao 10 năm.

-KHTSCĐ = $3.200.000.000 \text{ đồng} : 10 \text{ năm} : 12 \text{ tháng} : 15 \text{ chuyến/ tháng} = 1.777,777 \text{ đồng/ chuyến.}$

b) Sửa chữa tài sản:

-Sửa chữa định kỳ : $= 10\% \text{ KHTSCĐ} = 1777.777 \text{ đồng} * 10\% = 177.777 \text{ đồng/ chuyến}$

-Sửa chữa thường xuyên = $50\% \text{ sửa chữa lớn} = 88.885 \text{ đồng/ chuyến}$

4/ Thuê bãi đỗ xe, mặt bằng bán vé : 500.000 đồng/ chuyến

5/ Chi phí quản lý: 4.329.423 đồng

a/ Tiền công tác phí :

$04 \text{ người} * 100.000 \text{ đồng} = 400.000 \text{ đồng/ chuyến}$

b/ Bảo hiểm vật chất xe và BH trách nhiệm dân $90.000.000 \text{ đồng/ xe/ năm} : 12 \text{ tháng} : 15 \text{ chuyến} = 500.000 \text{ đồng}$

c/ Tiền sắm lốp và ắc qui

Dự kiến : Sắm lốp

$01 \text{ chiếc lốp đi được quãng đường} = 50.000 \text{ km}$

$01 \text{ chiếc lốp giá trị} : 9.350.000 \text{ đồng}$

Gia lai ngày 06 tháng 1 năm 2026

PHƯƠNG ÁN GIÁ

**Tên dịch vụ: GIÁ CƯỚC VẬN TẢI KÊ KHAI TUYẾN XE KHÁCH TỪ GIA LAI
ĐI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ NGƯỢC LẠI**

Đơn vị cung ứng: CÔNG TY TNHH KÍNH DIỄN HỒNG GIA LAI

Mỗi tháng mỗi xe thực hiện 15 chuyến với số lượng là 34 khách trên một xe/ một chuyến

: Cụ ly vận chuyển: 610 km.Hành trình chạy xe: BX Đăk đoa - QL19 - Đường Hồ Chí Minh (QL 14) - QL13 – QL1- QL22 - BX An sương và ngược lại.

Tính chi phí cho một chuyến bằng 02 lượt đi và về

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ

STT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng tính giá (Q)			
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh			
I	Chi phí trực tiếp:			
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp	Đồng	8.327.535	
2	Chi phí nhân công trực tiếp	Đồng	2.620.000	
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)	Đồng	2.044.439	
4	Chi phí thuê bãi đậu xe,	Đồng	400.000	
II	Chi phí chung			
5	Chi phí sản xuất chung	Đồng	3.579.423	
6	Chi phí tài chính (Lãi vay ngân hàng)	Đồng	1.309.000	
7	Chi phí bán hàng			
8	Chi phí khác		1.748.000	
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh (TC)		19.939.387	
IV	Dự kiến lợi nhuận 8%		1.595150	

Bình điện

01 bộ = 2 cái x 4.150.000 đồng/ cái = 8.300.000 đồng

01 bình điện sử dụng trong thời gian 01 năm

8.300.000 đồng : (12 tháng x 15 chuyến/ tháng x 2 lượt) = 34.583 đồng/ chuyến

d/ Phí bảo trì đường bộ: 390.000 đồng/ tháng : 30 ngày x 2 lượt = 26.000 đồng

đ/ Tổng số trạm thu phí trên QL 14 từ Gia Lai đến BX Miền Đông là 19 trạm thu phí : 1.100.000 đồng (đi và về).

e/ Hoa Hồng bán vé và lệ phí bến bãi : 250 .000 đồng

6/ Trả lãi vay: Ngân hàng cho vay : 70% trên giá trị tài sản.

3.200.00.0 ng x 70% x 0,85%/tháng : 15 chuyến = **1.309.000** đồng

7/ Chi phí khác : 1.748.000

-Tiền chi phí xe trung chuyển hai đầu bến: 500.000 đ

- Tiền điện thoại + lương văn phòng + văn phòng phẩm+ chi phí rửa xe + thuê VPCT + in vé) : 1.158.000 đồng

Tổng các khoản chi phí : 20.487.897 đồng /chuyến

Dự kiến lợi nhuận = 8% chi phí = 1.639.031 đ/chuyến

Tổng chi phí sau lợi nhuận : đồng/ chuyến : 22.126.929 đồng/ chuyến

Thuế GTGT 8%: 1.770.154 đồng/chuyến

Tổng cộng : 23.897.083 đồng / chuyến

Giá vé có VAT : 23.897.070 / 34 phòng = 702.855 đ/ lượt đi và về

Do lượng khách ngày lễ tết xe chủ yếu vận chuyển khách một chiều nên Công ty xin tăng giá vé phụ thu chiều rỗng lên từ 40 đến 60% để phục vụ giải tỏa hành khách cụ thể:

* **Chiều từ Gia Lai đi TP HCM: Giá vé từ ngày 03/2/2026 đến ngày 05/2/2026 tăng 40%:**

(350.000 x 40%)+ 350.000 = 490.000 đồng

. Tăng 60% từ ngày 06/2/2026 đến ngày 19/2/2026 (350.000 x60%) + 350.000 = 560.000 đồng

- Chiều từ Gia lai đi Thành phố Hồ Chí Minh tăng 60% từ ngày 20/2/2026 đến hết ngày 01/3/2026 : (350.000 x60%) +350.000 = 560.000 đồng**

V	Tổng chi phí		21.534.537	
	Thuế GTGT 8%		1.722.762	
VI	Tổng chi phí bao gồm thuế VAT		23.257.299	
VII	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm đã bao gồm thuế GTGT		702.855	

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN CHI PHÍ (từ mục 1 đến mục 7 bảng tổng hợp tính giá)

BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ DỊCH VỤ (Xe 34 giường nằm)

Chi phí (02 lượt) từ BX Đắk Doa -> BX Miền Đông Tp HCM và ngược lại

1/ Chi phí năng lượng: Ô tô sử dụng nhiên liệu: Dầu Diezen; 8.327.535 Đ

Định mức 35 lít dầu/100km. Giá dầu tại ngày 12/12/2023

- Cự ly vận chuyển : 550 km * 2 lượt * 35 lít : 100km = 427 lít/chuyến
- Thành tiền: 427 lít * 19.120 đ/lít = 8.164.240 đ/chuyến
- Dầu mỡ phụ: 2%/nhiên liệu chính: = 8.164.240 đ/chuyến * 2% = 163.285 đ/chuyến

2// Chi phí nhân công trực tiếp tiền lương: 2.620.000 đồng

- Lương lái xe: 02 người * 700.000đ/người = 1.400.000đ/người/chuyến
- Lương NVPV: 01 người * 500.000đ/người = 500.000đ/người/chuyến
- Tiền ăn 3 người * 2 lượt * 60.000đ * 02 bữa/chuyến = 720.000đ/chuyến

3/ KHCB, SCL, Sửa chữa thường xuyên: 2.044.439 đồng

a) Khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định thực tế : 3.200.000.000 đồng, dự kiến khấu hao 10 năm.

-KHTSCĐ = 3.200.000.000 đồng : 10 năm: 12 tháng : 15 chuyến/ tháng = 1.777,777 đồng/ chuyến.

b) Sửa chữa tài sản:

-Sửa chữa định kỳ : = 10% KHTSCĐ = 1777.777 đồng x 10% = 177.777 đồng/ chuyến

-Sửa chữa thường xuyên = 50% sửa chữa lớn = 88.885 đồng/ chuyến

4/ Thuê bãi đỗ xe, mặt bằng bán vé : 100.000 đồng/ chuyến

5/ Chi phí quản lý: 3.579.423 đồng

a/ Tiền công tác phí :

03 người x 100.000 đồng = 300.000 đồng/ chuyến

b/ Bảo hiểm vật chất xe và BH trách nhiệm dân sự:

90.000.000 đồng/ xe/ năm : 12 tháng: 15 chuyến = 500.000 đồng/ Tiền sảm lốp và ắc qui

Dự kiến : Sảm lốp

01 chiếc lốp đi được quãng đường = 50.000 km

01 chiếc lốp giá trị : 9.350.000 đồng

06 chiếc x 9.350.000 đồng/ chiếc : 50.000 km x 610 km x 2 lượt = 1.368.840 đồng/ chuyến

Gia lai ngày 06 tháng 1 năm 2026

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên dịch vụ: GIÁ CƯỚC VẬN TẢI KÊ KHAI TUYỂN XE KHÁCH TỪ GIA LAI
ĐI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ NGƯỢC LẠI

Đơn vị cung ứng: CÔNG TY TNHH KÍNH DIÊN HỒNG GIA LAI

Mỗi tháng mỗi xe thực hiện 15 chuyến với số lượng là 24 khách trên một xe/ một chuyến
: Cự ly vận chuyển: 550 km.

.Hành trình chạy xe: BX Đức long - Đường Hồ Chí Minh (QL 14) – Đường tỉnh 741 – Đại lộ Bình
duơng - QL13 – Đường Đinh Bộ Lĩnh – BX Miền đông và ngược lại.

Tính chi phí cho một chuyến bằng 02 lượt đi và về

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ

STT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng tính giá (Q)			
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh			
I	Chi phí trực tiếp:			
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp	Đồng	8.366.529	
2	Chi phí nhân công trực tiếp	Đồng	3.420.000	
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)	Đồng	2.427.777	
4	Chi phí thuê bãi đậu xe,	Đồng	100.000	
II	Chi phí chung			
5	Chi phí sản xuất chung	Đồng	4.230.423	
6	Chi phí tài chính (Lãi vay ngân hàng)	Đồng	1.507.333	
7	Chi phí bán hàng			

c/ Tiền sắm lốp và ốc qui

Dự kiến : Sắm lốp

01 chiếc lốp đi được quãng đường = 50.000 km

01 chiếc lốp giá trị : 9.350.000 đồng

06 chiếc x 9.350.000 đồng/ chiếc : 50.000 km x 610 km x 2 lượt = 1.368.840 đồng/ chuyến

Bình điện

01 bộ = 2 cái x 4.150.000 đồng/ cái = 8.300.000 đồng

01 bình điện sử dụng trong thời gian 01 năm

8.300.000 đồng : (12 tháng x 15 chuyến/ tháng x 2 lượt) = 34.583 đồng/ chuyến

d/ Phí bảo trì đường bộ: 390.000 đồng/ tháng : 30 ngày x 2 lượt = 26.000 đồng

đ/ Tổng số trạm thu phí trên QL 14 từ Gia Lai đến BX Miền Đông là 19 trạm thu phí : 1.100.000 đồng (đi và về).

e/ Hoa Hồng bán vé và lệ phí bến bãi : 476.000 đồng

6/ Trả lãi vay: Ngân hàng cho vay : 70% trên giá trị tài sản.

3.800.000.000 đồng x 70% x 0,85%/tháng : 15 chuyến = 1.507.333 đồng

7/ Chi phí khác : (Tiền điện thoại + lương văn phòng + văn phòng phẩm+ chi phí rửa xe + thuê VPCT + in vé) : 700.000 đồng

Tổng các khoản chi phí: đồng/ chuyến : 20.874.750 đồng.

Dự kiến lợi nhuận = 8% chi phí = 1.670.000 đồng/ chuyến

Tổng chi phí sau lợi nhuận : đồng/ chuyến 22.544.730 đồng

Thuế GTGT 8%: 1.803.578 đồng/chuyến

Tổng cộng : 24.925.184 đồng

Xe gồm 24 phòng trừ 01 phòng cho lái xe nghỉ tính giá trên 23 phòng

Giá vé có VAT : 24.348.308 : 23 phòng = 1.014.512 đ/ lượt đi và về (Làm tròn 1.000.000 đ)

Do lượng khách ngày lễ tết xe chủ yếu vận chuyển khách một chiều nên Công ty xin tăng giá vé phụ thu chiều rỗng lên từ 40 Đến 60 % để phục vụ giải tỏa hành khách cụ thể:

- * Chiều từ TP HCM đi Gia lai Giá vé từ ngày 03/2/2026 đến ngày 05/2/2026 tăng 40%:
(500.000 x 40%)+ 500.000 = 700.000 đồng

. Tăng 60% từ ngày 06/2/2026 đến ngày 19/2/2026 (500.000 x60%) + 500.000 = 800.000 đồng

• Chiều từ Gia lai đi Thành phố Hồ Chí Minh tăng 60% từ ngày 20/2/2026 đến hết ngày 01/3/2026 : (500.000 x60%) +500.000 = 800.000 đồng

IV	Dự kiến lợi nhuận 8%		1.670.000	
V	Tổng chi phí		22.544.730	
VI	Thuế GTGT 8%		1.803.578	
VII	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm đã bao gồm thuế GTGT		1.038.550	

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN CHI PHÍ (từ mục 1 đến mục 7 bảng tổng hợp tính giá)

BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ DỊCH VỤ (Xe 44 giường nằm)

Chi phí (02 lượt) từ BX Đức long -> BX An sương-Tp HCM và ngược lại

1/ Chi phí năng lượng: Ô tô sử dụng nhiên liệu: Dầu Diezen; 8.366.529 Đ

Định mức 38 lít dầu/100km. Giá dầu tại ngày 12/12/2023

- Cự ly vận chuyển : 6100 km * 2 lượt * 38 lít : 100km = 429 lít/chuyến
- Thành tiền: 429 lít * 19.120 đ/lít = 8.202.480đ/chuyến
- Dầu mỡ phụ: 2%/nhiên liệu chính: 8.202.480/chuyến * 2% = 164.049 đ/chuyến

2// Chi phí nhân công trực tiếp tiền lương: 3.420.000 đồng

- Lương lái xe: 02 người * 700.000đ/người = 1.400.000đ/người/chuyến
- Lương NVPV: 01 người * 500.000đ/người = 500.000đ/người/chuyến
- Tiền ăn 3 người * 2 lượt * 60.000đ * 02 bữa/chuyến = 720.000đ/chuyến
- Tiền chi phí xe trung chuyển hai đầu bến: 500.000 đ/chuyến
- Tiền nước uống, khăn lạnh vv: 300.000 đ/chuyến

3/ KHCB, SCL, Sửa chữa thường xuyên: 2.427.777 đồng

a)Khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định thực tế : 3.800.000.000 đồng. dự kiến khấu hao 10 năm.

-KHTSCĐ = 3.800.000.000 đồng : 10 năm: 12 tháng : 15 chuyến/ tháng = 2.111.111 đồng/ chuyến.

b)Sửa chữa tài sản:

-Sửa chữa định kỳ : = 10% KHTSCĐ = 2.111.111 đồng x 10% = 211.111 đồng/ chuyến

-Sửa chữa thường xuyên = 50% sửa chữa lớn = 105.555 đồng/ chuyến

4/ Thuê bãi đỗ xe, mặt bằng bán vé : 100.000 đồng/ chuyến

5/ Chi phí quản lý: 4.230.423 đồng

a/ Tiền công tác phí :

04 người x 100.000 đồng = 400.000 đồng/ chuyến

b/ Bảo hiểm vật chất xe và BH trách nhiệm dân sự:

90.000.000 đồng/ xe/ năm : 12 tháng: 15 chuyến = 625.000 đồng

c/ Tiền sắm lốp và ắc qui

Dự kiến : Sắm lốp

01 chiếc lốp đi được quãng đường = 50.000 km